

Nam được Hội đồng quản trị thông qua và gửi cho Bộ Tài chính chậm nhất trong vòng 45 ngày từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Hàng năm, trên cơ sở báo cáo quyết toán tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Bộ Tài chính sẽ xem xét, kiểm tra tài chính theo chức năng của cơ quan quản lý nhà nước.

6. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện chế độ kiểm toán nội bộ theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

THÔNG TƯ số 29/2001/TT-BTC ngày 08/5/2001 hướng dẫn một số cơ chế tài chính áp dụng tại khu vực thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 97/2000/QĐ-TTg ngày 16/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng một số cơ chế chính sách tại khu vực thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ tài chính áp dụng tại khu vực thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Nhà đầu tư Việt Nam và Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng tại khu vực thị trấn Dương Đông (không bao gồm sân bay Phú Quốc), huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang thuộc đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm:

1. Doanh nghiệp Việt Nam không phân biệt hình thức sở hữu: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; công ty hợp danh; doanh nghiệp tư nhân; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp nhà nước;

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; tổ chức cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

3. Cơ sở giáo dục, đào tạo tư thực, dân lập, bán công; cơ sở y tế tư nhân, dân lập; cơ sở văn hóa được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;

4. Doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, lực lượng vũ trang có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

5. Cá nhân, nhóm kinh doanh thành lập và hoạt động theo Nghị định số 66/HDBT ngày 02/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);

6. Nhà đầu tư là tổ chức kinh tế tài chính ở nước ngoài, các tổ chức kinh tế đang có vốn đầu tư tại Việt Nam; công dân Việt Nam và người

Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú ở Việt Nam và ở nước ngoài mua cổ phần, góp vốn vào các doanh nghiệp tại khu vực thị trấn Dương Đông.

II. HƯỚNG DẪN ƯU ĐÃI VỀ THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP NGÂN SÁCH

1. Dự án đầu tư kinh doanh du lịch tại khu vực thị trấn Dương Đông được hưởng ưu đãi đầu tư theo Danh mục A Phụ lục kèm theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ. Dự án đầu tư kinh doanh du lịch thành lập trước ngày 01 tháng 9 năm 2000 chỉ được hưởng ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ cho thời gian còn lại. Trình tự, thủ tục để được hưởng ưu đãi đầu tư thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Ngoài chính sách ưu đãi theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), các dự án đầu tư tại khu vực thị trấn Dương Đông (kể cả dự án đầu tư kinh doanh du lịch theo điểm 1 nêu trên) còn được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Giảm 50% tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước, mặt biển so với khung giá hiện hành của Nhà nước áp dụng tại khu vực huyện Phú Quốc.

b) Các mặt hàng sản xuất tại khu vực thị trấn Dương Đông khi xuất khẩu áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu 0%.

Đối với các mặt hàng sản xuất tại khu vực thị trấn Dương Đông xuất khẩu có mức thuế xuất khẩu theo Biểu thuế thuế xuất khẩu từ 1% trở

lên được hưởng mức thuế suất thuế xuất khẩu 0% phải đảm bảo điều kiện sau:

Các mặt hàng xuất khẩu này phải được sản xuất trên địa bàn thị trấn Dương Đông do các tổ chức kinh tế xuất khẩu hoặc nhận ủy thác xuất khẩu. Ngoài hồ sơ hàng hóa xuất khẩu theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, tổ chức xuất khẩu hàng hóa hoặc nhận ủy thác xuất khẩu hàng hóa còn phải xuất trình cho cơ quan hải quan các chứng từ làm căn cứ xác minh là mặt hàng được sản xuất tại thị trấn Dương Đông: Hóa đơn bán hàng của cơ sở sản xuất ở thị trấn Dương Đông hoặc bản kê hàng hóa kèm theo hợp đồng mua hàng của người sản xuất không có hóa đơn bán hàng ở thị trấn Dương Đông; bản kê hàng hóa xuất khẩu có mức thuế xuất khẩu theo Biểu thuế thuế xuất khẩu từ 1% trở lên được hưởng mức thuế suất thuế xuất khẩu 0% theo hướng dẫn tại Thông tư này. Giám đốc tổ chức xuất khẩu hoặc nhận ủy thác xuất khẩu ký tên vào bản kê do tổ chức mình lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của bản kê.

c) Nhà đầu tư nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư tại khu vực thị trấn Dương Đông theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, khi chuyển thu nhập ra nước ngoài nộp thuế đối với thu nhập chuyển ra nước ngoài theo mức 3%.

d) Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh tại khu vực thị trấn Dương Đông không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; nhà đầu tư là tổ chức kinh tế tài chính ở nước ngoài, các tổ chức kinh tế nước ngoài đang có vốn đầu tư tại Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam và ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam tại khu vực thị trấn Dương Đông, khi chuyển thu nhập ra nước ngoài nộp thuế đối với thu nhập chuyển ra nước ngoài theo mức 5%.

www.LawSofit.com
Tel: +84-8-3845 6884

3. Các khoản thuế và thu ngân sách khác thực hiện theo các quy định hiện hành.

III. HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ HẠ TẦNG XÃ HỘI KHU VỰC THỊ TRẤN DƯƠNG ĐÔNG

1. Lập dự toán vốn đầu tư cho khu vực thị trấn Dương Đông:

Hàng năm, căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Phú Quốc do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang giao (không kể các khoản ghi thu không giao cân đối ngân sách như ghi thu về học phí, viện phí, viện trợ, huy động nhân dân đóng góp,...) trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị mức vốn đầu tư riêng cho khu vực thị trấn Dương Đông gửi Bộ Tài chính.

Căn cứ vào đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, Bộ Tài chính xem xét xác định tổng mức vốn ngân sách nhà nước đầu tư riêng cho khu vực thị trấn Dương Đông trong nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương và sẽ thông báo cho tỉnh cùng với việc Chính phủ giao dự toán ngân sách hàng năm.

Trên cơ sở mức vốn được thông báo và quy hoạch của khu vực thị trấn Dương Đông, tỉnh quyết định cụ thể danh mục và mức vốn các công trình hạ tầng được đầu tư theo phân cấp vốn đầu tư phù hợp với quy hoạch, kế hoạch được duyệt hàng năm và đăng ký danh mục các công trình này về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để cấp phát vốn và theo dõi thực hiện.

2. Phương thức quản lý, cấp phát, chế độ báo cáo và quyết toán vốn đầu tư cho khu vực thị trấn Dương Đông:

Bộ Tài chính thực hiện trợ cấp có mục tiêu số vốn đầu tư từ nguồn thu trên địa bàn huyện Phú Quốc cho tỉnh qua Sở Tài chính - Vật giá tỉnh Kiên Giang để đầu tư cho khu vực thị trấn Dương Đông.

Về nguyên tắc số vốn được đầu tư lại cho khu vực thị trấn Dương Đông phải căn cứ vào số thực thu ngân sách nhà nước hàng năm trên địa bàn huyện Phú Quốc. Nhưng để chủ động điều hành, quá trình cấp phát căn cứ theo dự toán đã được thông báo. Kết quả thực thu tăng, giảm so với dự toán sẽ được điều chỉnh vào dự toán năm sau.

Căn cứ dự toán vốn đầu tư cả năm được duyệt cho thị trấn Dương Đông và đề nghị của địa phương về tiến độ thực hiện khối lượng xây dựng cơ bản của các dự án đầu tư, Bộ Tài chính tạm ứng hoặc cấp vốn qua ngân sách tỉnh Kiên Giang để thanh toán.

Khoản vốn ngân sách trung ương cấp cho khu vực thị trấn Dương Đông chỉ sử dụng cho mục đích xây dựng cơ sở hạ tầng tại khu vực thị trấn Dương Đông theo quy hoạch tổng thể của thị trấn Dương Đông được cấp có thẩm quyền duyệt. Trong quá trình thực hiện, địa phương được chủ động điều chỉnh mức vốn đầu tư giữa các công trình nhóm B, nhóm C trong phạm vi tổng mức vốn đã được duyệt. Nếu thay đổi danh mục các công trình phải đăng ký lại với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Hàng quý, tỉnh có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình thực hiện đầu tư xây dựng, cấp phát vốn cho từng công trình, cuối năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ (đồng gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư) kết quả thực hiện cả năm.

Vốn đầu tư cho các công trình được quyết toán vào ngân sách địa phương hàng năm, nhưng ghi một phần riêng cho các công trình đầu tư ở khu vực thị trấn Dương Đông.

Việc quản lý, cấp phát và quyết toán vốn đầu tư cho từng công trình đầu tư tại khu vực thị trấn Dương Đông phải thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý xây dựng cơ bản.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, các ưu đãi về tài chính được áp dụng từ ngày 01 tháng 9 năm 2000. Trường hợp các đối tượng được hưởng các ưu đãi về thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này không hạch toán được riêng số thuế được miễn, giảm theo các mức ưu đãi hoặc đã thực hiện quyết toán thuế năm 2000 thì không tính lại thuế. Mọi quy định trước đây về chế độ tài chính, về thuế áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Thông tư này trái với Thông tư này đều bãi bỏ./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

QUYẾT ĐỊNH số 42/2001/QĐ-BTC ngày 15/5/2001 về việc quy định tỷ lệ thu chênh lệch giá đối với mặt hàng Clinker nhập khẩu.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính

phủ tại Công văn số 1716/VPCP-KTTH ngày 23/4/2001 của Văn phòng Chính phủ về việc thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng bỏ giấy phép nhập khẩu từ ngày 01 tháng 5 năm 2001 và từ ngày 01 tháng 1 năm 2002;

Sau khi tham khảo ý kiến của các Bộ có liên quan và theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tỷ lệ thu chênh lệch giá 10% (mười phần trăm) đối với mặt hàng Clinker thuộc mã số 25231000 của Danh mục Biểu thuế nhập khẩu.

Tỷ lệ thu chênh lệch giá này được tính trên giá nhập khẩu. Giá nhập khẩu để làm căn cứ thu chênh lệch giá được xác định theo các quy định hiện hành về giá tính thuế nhập khẩu quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản quy định chi tiết việc thực hiện Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Thời điểm tính và thời hạn nộp chênh lệch giá hàng nhập khẩu thực hiện theo quy định về thời điểm tính và thời hạn nộp thuế nhập khẩu.

Điều 2. Số tiền chênh lệch giá hàng nhập khẩu đối với mặt hàng Clinker được nộp vào Quỹ hỗ trợ xuất khẩu theo quy định tại Quyết định số 195/1999/QĐ-TTg ngày 27/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ xuất khẩu.

Điều 3. Mức thu chênh lệch giá quy định đối với mặt hàng Clinker có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan bắt đầu từ ngày 01 tháng 5 năm 2001./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM